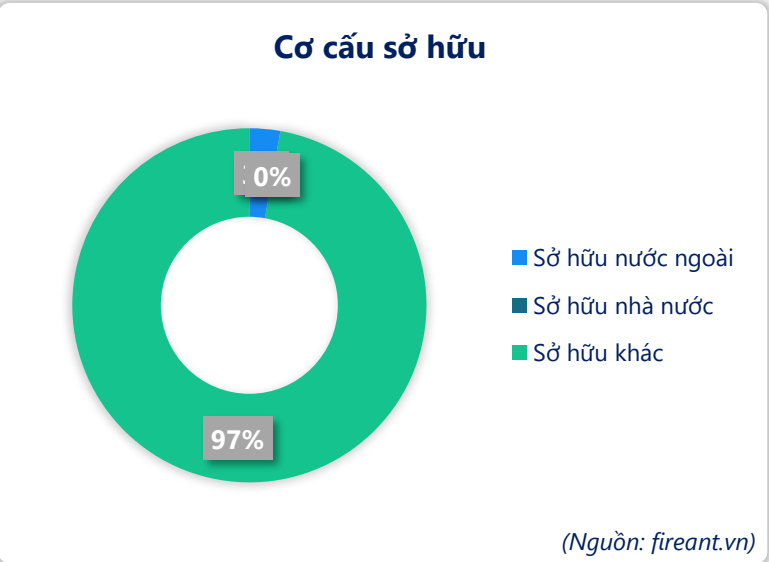
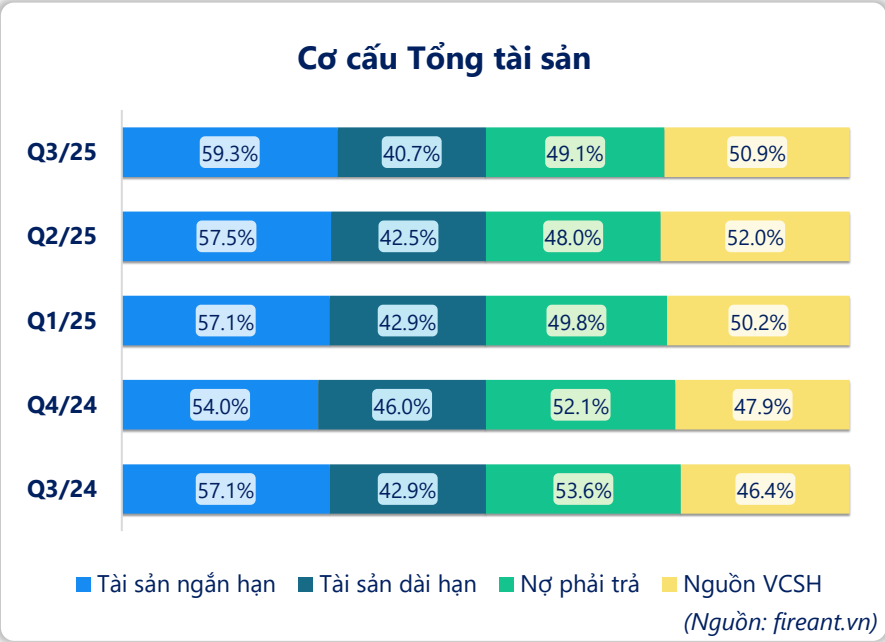
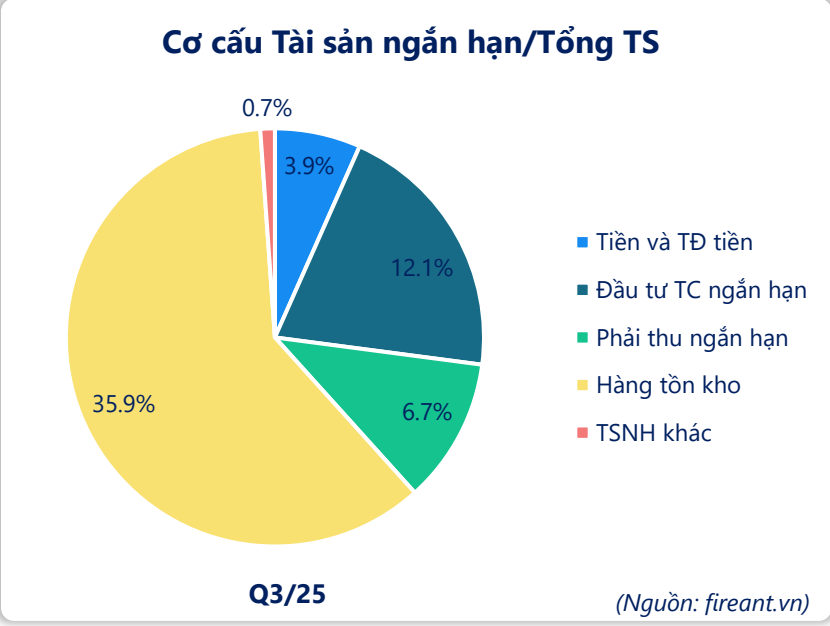
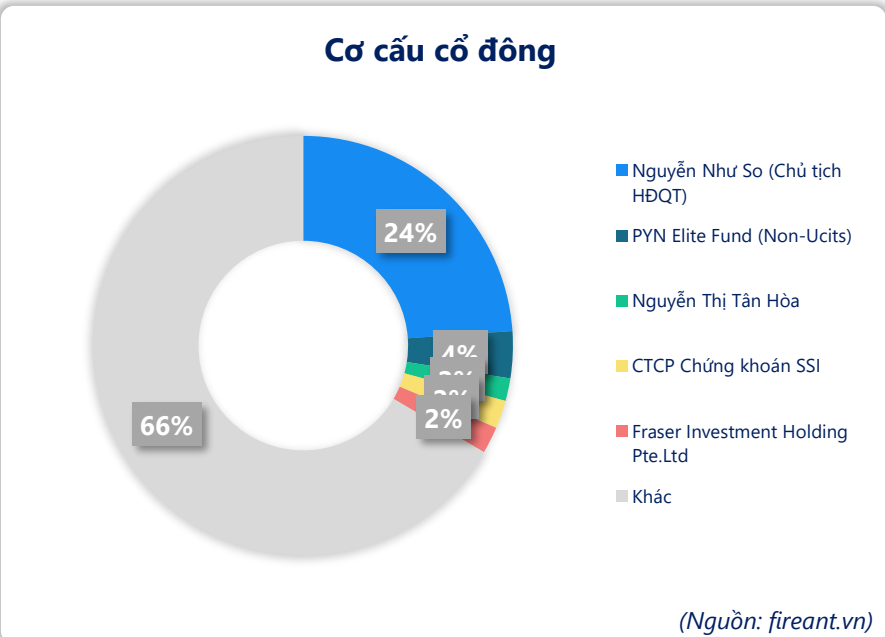
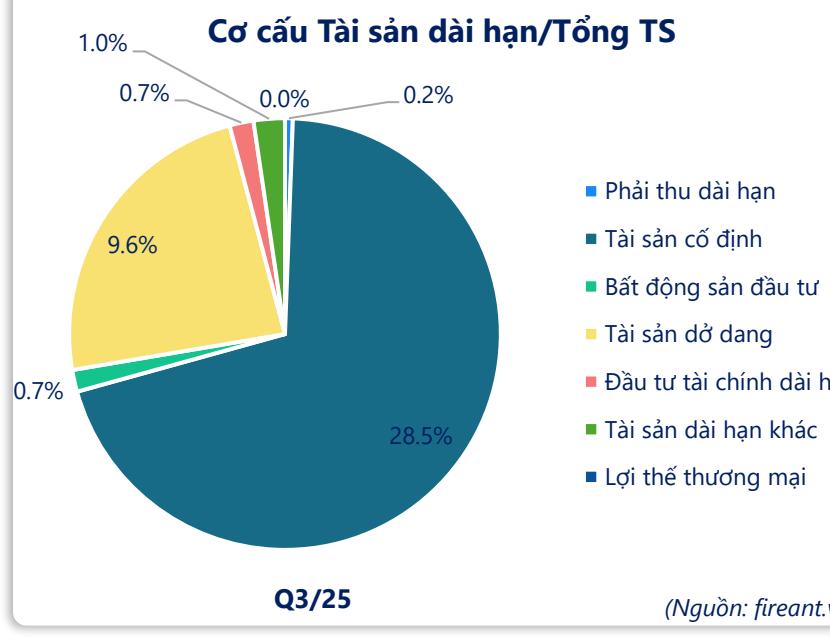
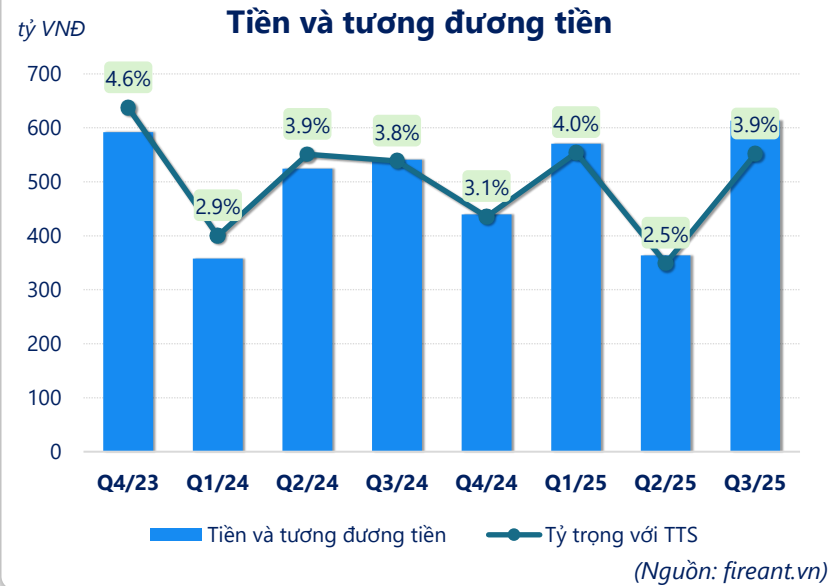
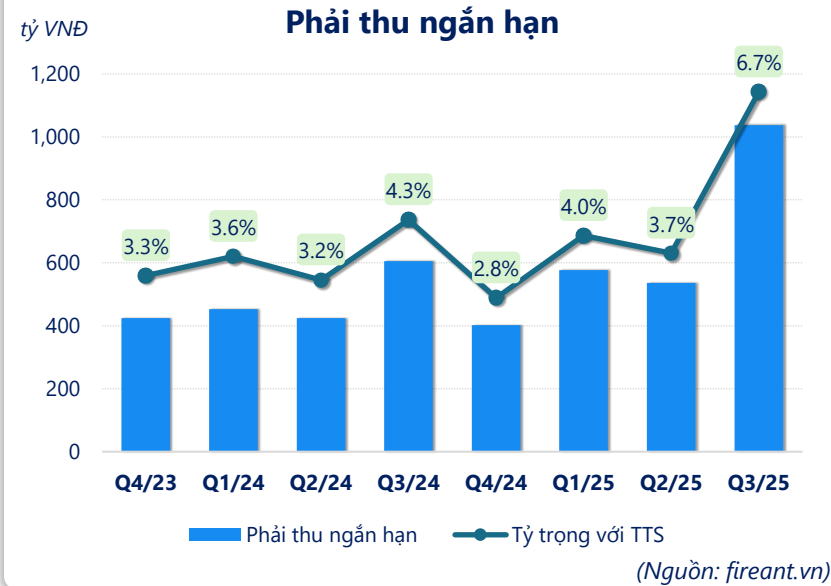
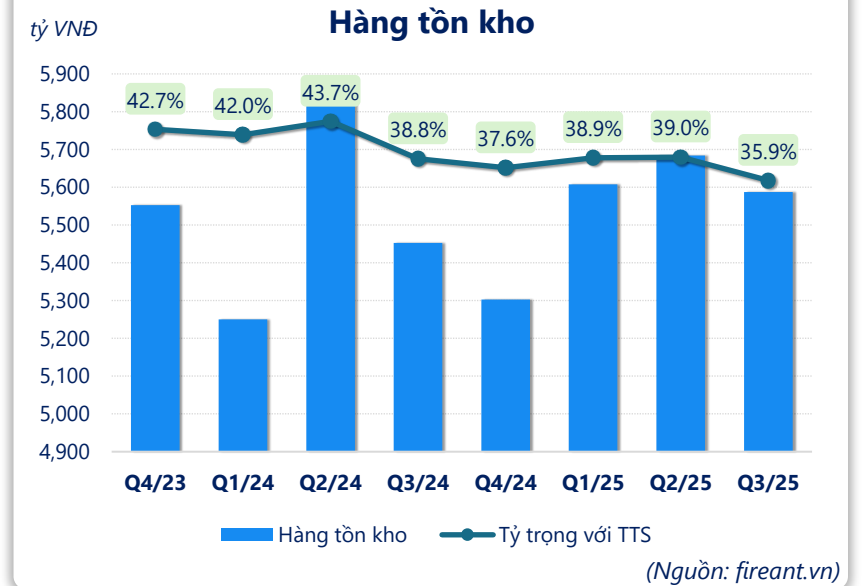
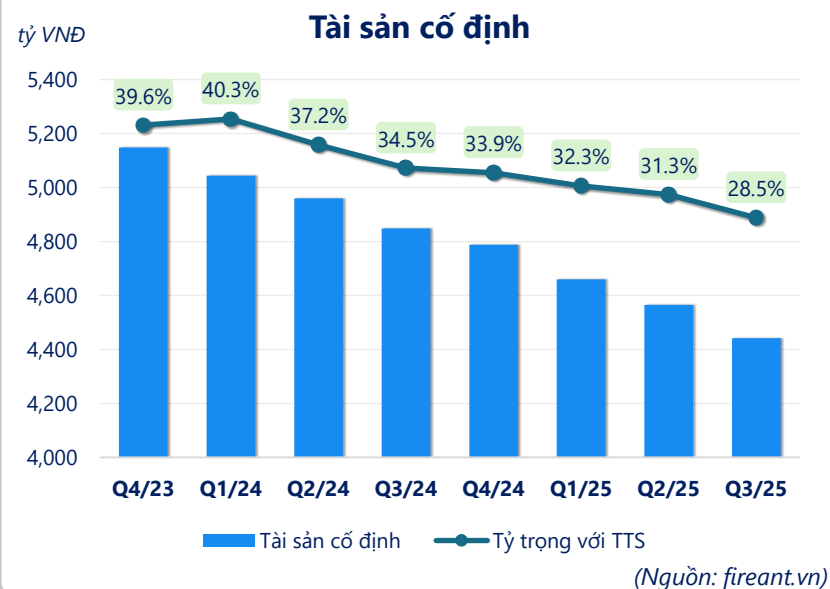
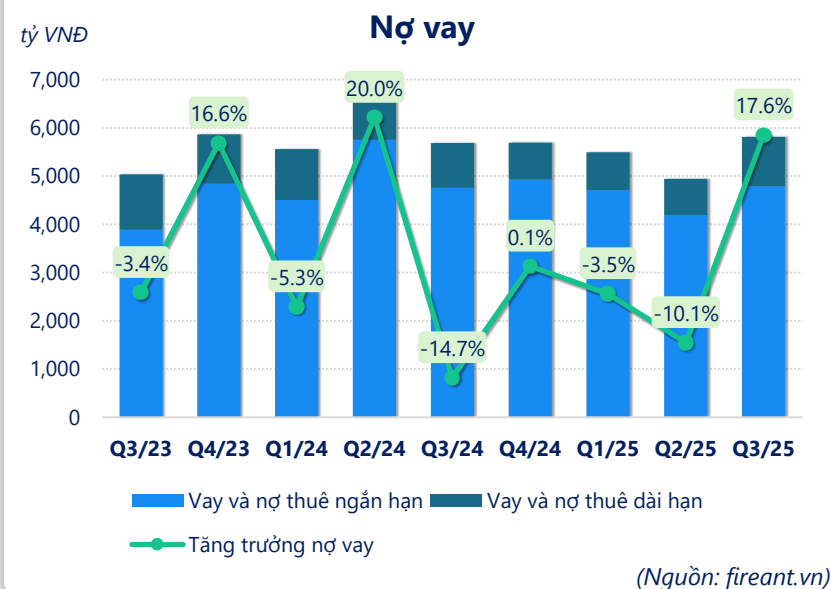
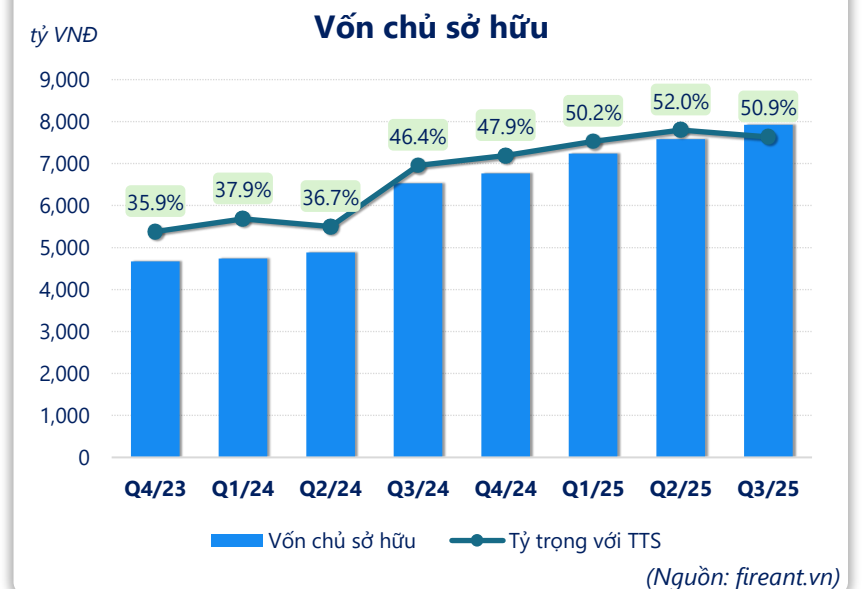
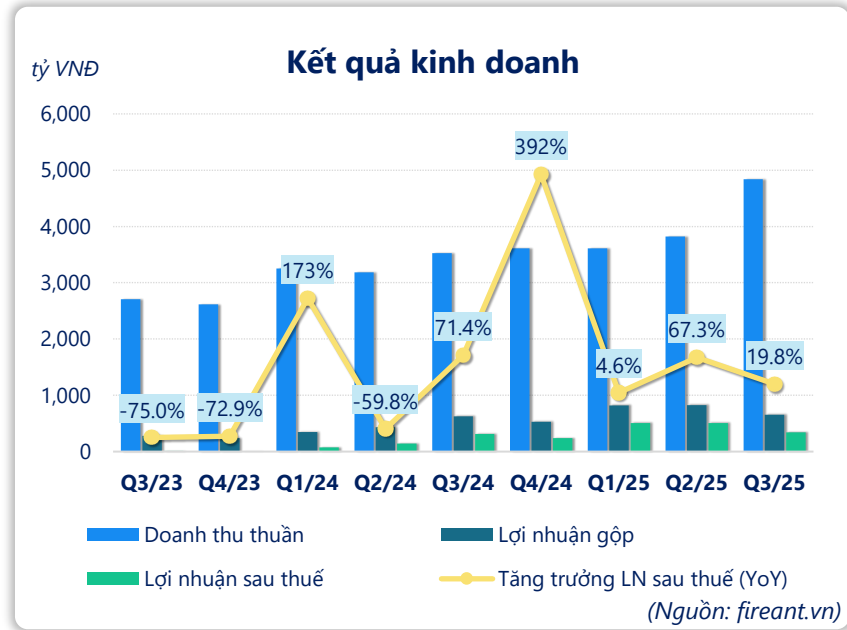
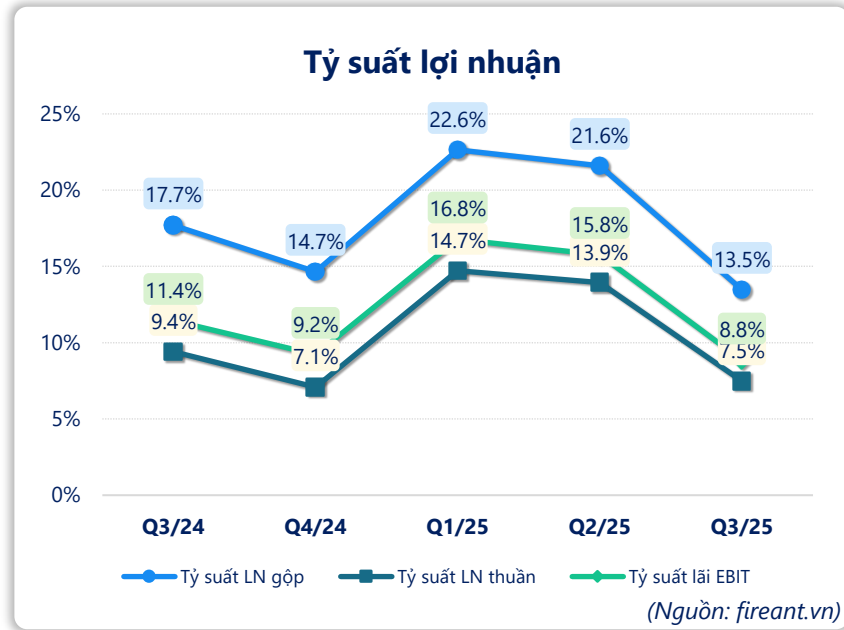
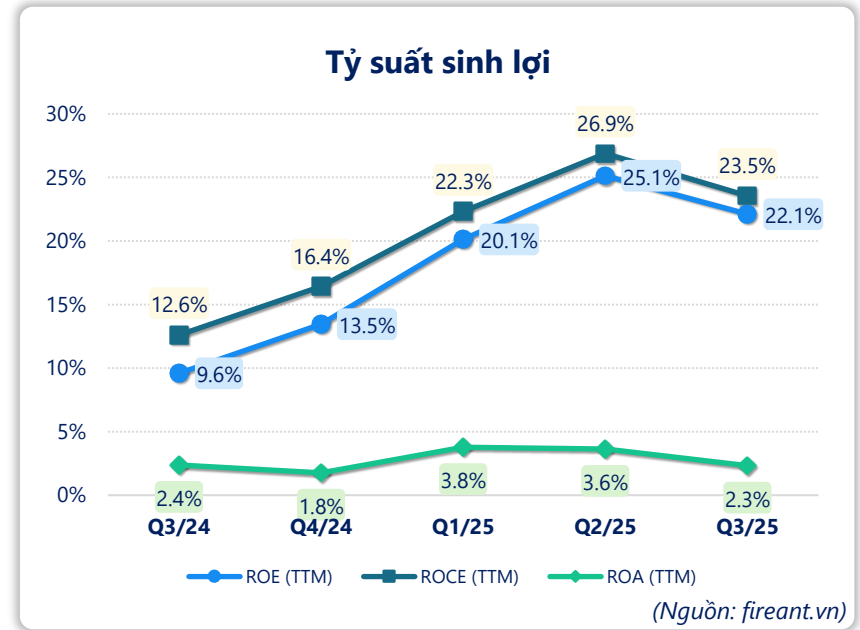
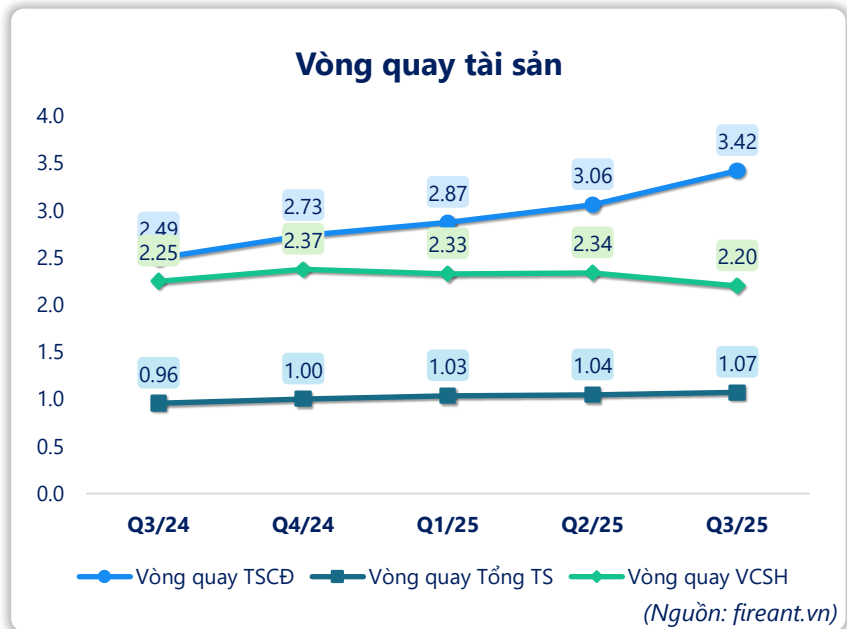
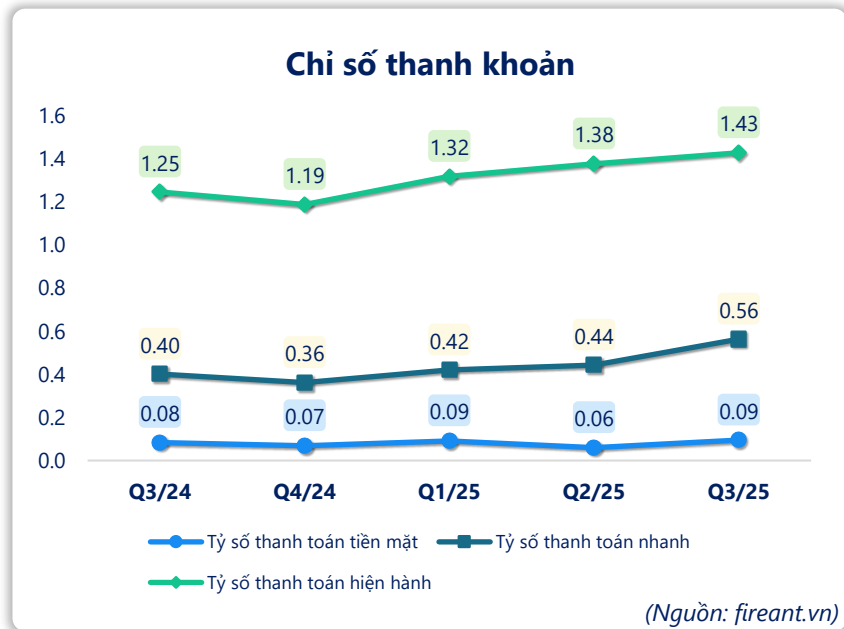
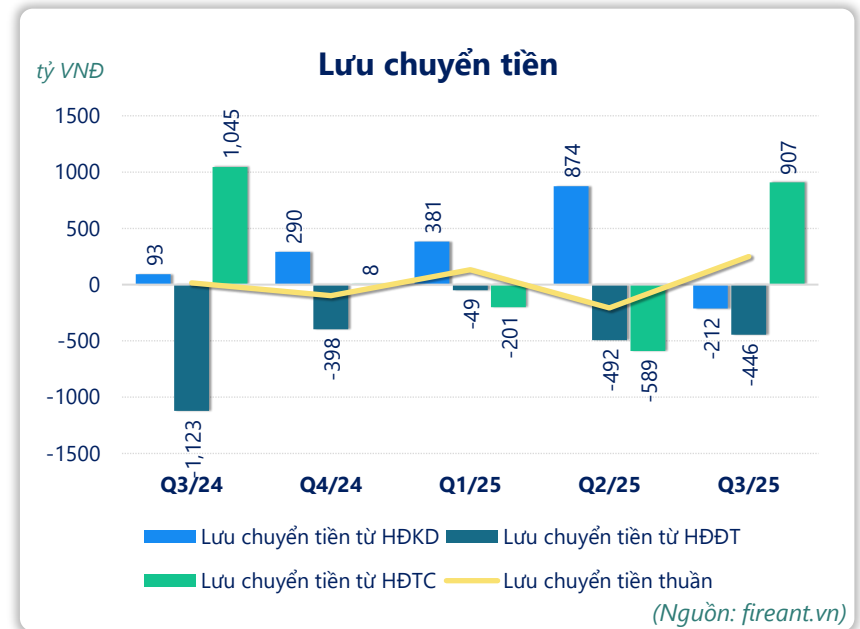


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,261
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,087
SL cổ phiếu LH		384,866,667
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,517,150
% sở hữu nước ngoài		2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		10,488
P/E		6.6
EPS		4,150

	YTD	1T	3T	6T
DBC	10.7%	-3.4%	-8.6%	5.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,562	14,122	10.2%
Tài sản ngắn hạn	9,227	7,838	17.7%
Tiền và tương đương tiền	613	439	39.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,886	1,371	37.6%
Phải thu ngắn hạn	1,037	402	158%
Hàng tồn kho	5,587	5,517	1.3%
Tài sản ngắn hạn khác	104	109	-4.8%
Tài sản dài hạn	6,335	6,283	0.8%
Phải thu dài hạn	37.0	38.8	-4.6%
Tài sản cố định	4,442	4,790	-7.3%
Bất động sản đầu tư	104	109	-4.9%
Tài sản dở dang	1,491	1,083	37.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	114	116	-2.2%
Tài sản dài hạn khác	148	146	1.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,641	7,355	3.9%
Nợ ngắn hạn	6,461	6,421	0.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,788	4,928	-2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	668	763	-12.4%
Nợ dài hạn	1,181	935	26.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,022	764	33.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,920	6,766	17.1%
Vốn chủ sở hữu	7,920	6,766	17.1%
Vốn điều lệ	3,849	3,347	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	3,525	3,611	3,609	3,820	4,841
Giá vốn hàng bán	2,901	3,082	2,792	2,995	4,189
Lợi nhuận gộp	624	529	817	825	652
Doanh thu HĐTC	6.82	20.5	18.8	21.1	17.0
Chi phí TC	72.9	70.7	69.3	65.8	62.6
Chi phí lãi vay	72.0	69.6	69.3	65.2	62.5
LN trong công ty LKLD	0	-1.11	0	-2.59	0
Chi phí bán hàng	126	121	128	128	128
Chi phí QLDN	100	101	107	117	117
LN thuần từ HĐKD	331	256	531	532	362
Lợi nhuận khác	-0.28	7.25	5.02	4.37	3.62
LN trước thuế	331	263	536	537	366
Lợi nhuận sau thuế	312	239	508	507	343
LNST của CĐ cty mẹ	312	239	508	507	343

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.2	290	381	874	-212
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,123	-398	-49.5	-492	-446
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,045	7.87	-201	-589	907
Tiền đầu kỳ	524	541	439	570	364
Lưu chuyển tiền thuần	16.0	-99.3	131	-207	250
Ảnh hưởng tỷ giá	0.67	-2.38	0	0.05	0
Tiền cuối kỳ	541	439	570	364	613

(Nguồn: fireant.vn)